

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1144/2018/DS-ST**
Ngày: 22/6/2018
V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhơn
2. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án thụ lý số 2501/2017/TLST- DS ngày 13 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2018/QĐXXST-DS ngày 30/5/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một Thành viên Ngân hàng A

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà REE Tower, số 9 đường B, Phường C, Quận D, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Phạm Thanh N, trú tại 205 E, Phường F, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền số 1901/UQTT-VH.18 ngày 16/04/2018).

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị B

Địa chỉ: 207/19/15 G, Phường H, quận I, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2017, bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, nguyên đơn trình bày:

**** Ký kết hợp đồng:***

Ngày 07/12/2015 Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một Thành viên Ngân hàng A và bà Bùi Thị B ký Hợp đồng tín dụng (tín chấp) số 20151207-500000-1460 với nội dung thỏa thuận như sau:

- Số tiền vay: 40.895.910 đồng
- Mục đích vay: tiêu dùng cá nhân
- Thời hạn vay : 36 tháng
- Lãi suất cho vay : 5%/tháng.
- Kế hoạch trả nợ: trả góp hàng tháng, tổng số tiền là 88.947.000 đồng được trả cụ thể như sau:
 - + 35 tháng đầu, mỗi tháng trả 2.472.000 đồng.
 - + Tháng cuối cùng trả: 2.427.000 đồng.
 - + Kỳ thanh toán đầu tiên từ ngày 11/01/2016 (thanh toán vào ngày 11 hàng tháng).

**** Thực hiện hợp đồng:***

- Nguyên đơn đã giải ngân số tiền 40.895.910 đồng.
- Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, bị đơn mới thanh toán cho nguyên đơn 06 lần với số tiền 14.832.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.905.804 đồng, tiền lãi 11.926.196 đồng. Kể từ ngày 20/6/2016 bị đơn không thanh toán bất cứ khoản nào mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở.

**** Yêu cầu đòi nợ:***

Hiện nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ vay cho Ngân hàng với tổng số tiền là 50.632.853 đồng, trong đó nợ gốc là 37.990.106 đồng và nợ lãi là 12.642.747 đồng. (Theo quy định về tính lãi của Ngân hàng, số tiền lãi bà B phải trả cho Ngân hàng là 22.008.224 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên Ngân hàng giảm lãi cho bà B là 12.642.747 đồng).

Thời hạn thanh toán: Số tiền trên được trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, bị đơn- bà Bùi Thị B trình bày: Bà xác nhận còn nợ Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một Thành viên Ngân hàng A tổng số tiền là 50.632.853 đồng, trong đó nợ gốc là 37.990.106 đồng và nợ lãi là 12.642.747 đồng. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi hết nợ.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn: có đơn xin xét xử vắng mặt và xin giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Bị đơn: có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một Thành viên Ngân hàng A và bà Bùi Thị B là tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 đây là loại vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự; bị đơn cư trú tại quận Bình Thạnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

2. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Việc nguyên đơn và bị đơn vắng mặt không làm ảnh hưởng đến nội dung tranh chấp nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

3. Về yêu cầu của các đương sự :

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng (tín chấp) số 20151207-500000-1460 ngày 07/12/2015 với tổng số tiền là 50.632.853 đồng, trong đó nợ gốc là 37.990.106 đồng và nợ lãi là 12.642.747 đồng, số tiền 50.632.853 đồng trả làm một lần ngay sau án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn hoàn toàn thừa nhận còn nợ nguyên đơn tổng số tiền là 50.632.853 đồng, trong đó nợ gốc là 37.990.106 đồng và nợ lãi là 12.642.747 đồng nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên yêu cầu xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi hết nợ.

Hội đồng xét xử xét:

Trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về lãi suất và thời hạn thanh toán. Xem xét thời gian tính lãi, mức lãi suất mà nguyên đơn đã áp dụng phù hợp thỏa thuận được quy định tại Điều 02 trong hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật. Từ ngày 20/6/2016 đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán nợ cho nguyên đơn mặc dù nguyên đơn đã nhắc nhở nhiều lần và tạo điều kiện trả nợ cho bị đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Việc vi phạm của bị đơn trong một thời gian dài đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do vậy, căn cứ theo Điều 471 và Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

3. Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một Thành viên Ngân hàng A.

Buộc bà Bùi Thị B phải trả cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một Thành viên Ngân hàng A tổng số tiền là 50.632.853 đồng, trong đó nợ gốc là 37.990.106 đồng và nợ lãi là 12.642.747 đồng. Số tiền 50.632.853 đồng được trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Bùi Thị B phải chịu án phí sơ thẩm là 2.531.643 đồng.

Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một Thành viên Ngân hàng A được nhận lại toàn bộ tạm ứng án phí đã nộp là 1.189.000 đồng theo biên lai thu số 0003583 ngày 12/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

Việc thi hành án được thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Đào

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Đào